

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 152/2024/DS-ST
Ngày 09/9/2024
Về việc “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - + Ông Nguyễn Thanh Phiên;
 - + Ông Vũ Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Quách Phi L, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 8/24, đường M, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đào Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp P, xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ông Quách Phi L trình bày:

Khoảng năm 2018, ông T bắt đầu nghề kinh doanh gỗ cao su nên có vay tiền của ông Trần Phong T1 số tiền hơn 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng. Tuy nhiên, ông T1 do có mối quan hệ quen biết với ông Quách Phi L nên ông L đứng ra bảo lãnh số

tiền ông T1 đưa cho ông T. Quá trình trả lại tiền vay, ông T trả tiền cho ông T1 đến khi còn lại số tiền 1.104.000.000 (một tỷ một trăm lẻ bốn triệu) đồng thì ông T không tiếp tục trả lại tiền cho ông T1 nên ngày 07/9/2020, ông L, ông T1 và ông T có lập cam kết, nội dung ông L và ông T1 căn trừ số tiền là ăn giữa ông L với ông T1 hết số tiền 1.104.000.000 (một tỷ một trăm lẻ bốn triệu) đồng, đồng thời, ông T có nghĩa vụ trả lại cho ông L số tiền trên, giữa ông T1 và ông T không còn nợ nần gì nhau.

Đến ngày 25/9/2020, ông L và ông T có lập Bảng kế hoạch trả nợ tiền vốn và nộp tiền lãi, cụ thể mỗi ngày 25 hàng tháng kể từ ngày 25/9/2020, ông T phải trả góp dần tiền vốn theo khả năng kinh tế của ông T và trả lãi theo mức lãi suất 1,05%/tháng. Thực tế, ông T chưa trả được số tiền vốn nào, chỉ trả được 01 lần tiền lãi số tiền 11.592.000 (mười một triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng, trả bằng tiền mặt vào ngày 25/3/2021

Đến ngày 24/3/2023, do ông T không thực hiện cam kết trả tiền gốc lẫn lãi nên ông L khởi kiện ông T tại Tòa án D, yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả lại cho ông L số tiền 1.440.168.000 (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng, trong đó gồm 1.104.000.000 (một tỷ một trăm lẻ bốn triệu) đồng là tiền gốc, 336.168.000 (ba trăm ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng là tiền lãi tạm tính đến ngày 07/3/2023. Ngày 15/5/2023, tại Tòa án nhân dân Huyện D, ông T lập tờ cam kết về việc ông T sẽ hoàn trả lại tiền cho ông L theo lộ trình ngày 01/10/2023 ông T sẽ trả lại cho ông L số tiền 300.000.000 đồng, đến ngày 01/3/2024 ông T sẽ trả lại cho ông L số tiền 300.000.000 đồng và lần cuối không xác định ngày sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền còn lại. Ông L tin tưởng và rút đơn khởi kiện đối với ông T nhưng đến nay ông T vẫn chưa trả lại cho ông L số tiền lãi, số tiền gốc nào.

Về tiền gốc, ông L yêu cầu ông T có trách nhiệm trả lại cho ông L số tiền nợ gốc là 1.104.000.000 (một tỷ một trăm lẻ bốn triệu) đồng.

Về tiền lãi, từ ngày cam kết thực hiện việc trả nợ lập ngày 07/9/2020 đến ngày 07/3/2023, tức là trong thời gian 30 tháng, ông T chỉ trả được 01 lần tiền lãi số tiền 11.592.000 (mười một triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng, trả bằng tiền mặt vào ngày 25/3/2021. Nay ông L yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả số tiền lãi của 29 tháng tương đương với $(1,05\% \times 1.104.000.000) \times 29 = 336.168.000$

Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả lại cho ông L số tiền 1.440.168.000 (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng, trong đó gồm 1.104.000.000 (một tỷ một trăm lẻ bốn triệu) đồng là tiền gốc, 336.168.000 (ba trăm ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng là tiền lãi.

Bị đơn là ông Đào Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt

đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đào Văn T có trách nhiệm trả cho ông Quách Phi L số tiền số tiền 1.440.168.000 (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng, trong đó gồm 1.104.000.000 (một tỷ một trăm lẻ bốn triệu) đồng là tiền gốc, 336.168.000 (ba trăm ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng là tiền lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ban đầu, ông Đào Văn T vay ông Trần Phong T1 số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, ông L là người bảo lãnh cho khoản vay. Quá trình trả nợ, ông T còn nợ ông T1 số tiền 1.104.000.000 (một tỷ một trăm lẻ bốn triệu) đồng. Tuy nhiên, các bên gồm ông T, ông T1 và ông L đã tự nguyện thỏa thuận và lập văn bản ghi nhận sự việc ông L thay ông T trả lại cho ông T1 số tiền 1.104.000.000 (một tỷ một trăm lẻ bốn triệu) đồng, đồng thời, ông T là người nợ ông L số tiền số tiền 1.104.000.000 (một tỷ một trăm lẻ bốn triệu) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch giữa ông T1 và ông T đã chấm dứt kể từ thời điểm ông L thay ông T trả nợ cho ông T1, việc ông L và ông T tiếp tục thỏa thuận về nghĩa vụ trả lại số tiền gốc và lập bản cam kết lộ trình trả lãi là xác lập giao dịch vay tài sản. Ông Quách Phi L khởi kiện yêu cầu ông Đào Văn T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Đào Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đào Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

[2] Về chứng cứ: Tại phiên toà, các đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ các đương sự đã giao nộp và Toà án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ông L khởi kiện đối với ông T và cung cấp được bản chính các chứng cứ gồm Giấy cam kết đề ngày 02/10/2018 có chữ ký tên “Đào Văn T” với nội dung: *“Từ ngày 12/10/2017 đến ngày 07/11/2017 thì ông T có vay ông Trần Phong T1 nhiều lần với số tiền 3.049.000.000 đồng để mua lô cây đứng gỗ Cao su tại tỉnh Tây Ninh. Từ ngày 25/10/2017 đến ngày 09/01/2018, ông T đã trả được 1.945.000.000 đồng, còn nợ lại 1.104.000.000 đồng. Ông T cam kết đến ngày 25/4/2019 sẽ trả hết nợ cho ông T1”*; Giấy cam kết trả nợ tiền đề ngày 07/9/2020 có chữ ký của ông T, ông T1 và ông L có nội dung: *“Do ông T không thực hiện trả tiền theo cam kết ngày 02/10/2018 nên các bên thống nhất ông T có trách nhiệm trả trực tiếp số tiền nợ 1.104.000.000 đồng cho ông L. Ông T1 không còn nghĩa vụ trách nhiệm gì trong vụ thanh toán tiền công nợ nữa. Ông T cam kết trả số tiền nợ và tiền lãi theo lãi suất quá hạn quy định của Ngân hàng nhà nước cho ông L”*; Bảng kế hoạch trả tiền nợ vốn và nộp tiền lãi và Bản cam kết trả nợ đề ngày 15/5/2023 có chữ ký của ông T với nội dung: *“Ông T nợ ông L 1.104.000.000 đồng, ngày 01/10/2023 trả cho ông L 300.000.000 đồng, ngày 01/3/2024, trả 300.000.000 đồng, lần sau cùng trả hết.”*

Ông L cho rằng do ông T đã lập tờ cam kết vào ngày 15/5/2023 nên cùng ngày ông L đã rút lại yêu cầu khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện D nhưng đến nay ông T vẫn không trả tiền gốc và lãi cho ông L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không tham gia tố tụng. Theo quy định tại các Điều 70, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bên đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bị đơn cố tình vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ được coi là từ bỏ việc chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ đương sự đã giao nộp và tài liệu chứng cứ Toà án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của ông L là phù hợp với chứng cứ ông L cung cấp. Do đó có căn cứ xác định ông L và ông T có xác lập giao dịch vay tài sản có kỳ hạn và ông T chưa trả cho ông L số tiền 1.104.000.000 đồng nên căn cứ Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Phi L, buộc ông Đào Văn T có trách nhiệm trả cho ông Quách Phi L số tiền nợ gốc 1.104.000.000 (một tỷ một trăm lẻ bốn triệu) đồng

[3.2] Đối với số tiền lãi, các bên có thỏa thuận trả lãi từ ngày 07/9/2020 với mức lãi suất 1,05%/tháng, mức lãi suất trên không vượt quá mức lãi suất theo quy định. Ông L chỉ yêu cầu ông T trả lãi từ ngày 07/9/2020 đến ngày 07/3/2023 (30 tháng) trong đó ông T trả được 01 lần tiền lãi 11.592.000 đồng ngày 25/3/2021. Do đó, ông L yêu cầu ông T có trách nhiệm trả số tiền lãi của 29 tháng tương đương với $(1,05\% \times 1.104.000.000) \times 29 = 336.168.000$ (ba trăm ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng là phù hợp. Căn cứ Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L về tiền lãi, buộc ông T có trách nhiệm trả cho ông L số tiền nợ lãi 336.168.000 (ba trăm ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đào Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Phi L đối với ông Đào Văn T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Ông Đào Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Quách Phi L số tiền 1.440.168.000 (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng, trong đó gồm 1.104.000.000 (một tỷ một trăm lẻ bốn triệu) đồng là tiền gốc, 336.168.000 (ba trăm ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng là tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Đào Văn T phải chịu 55.205.040 (năm mươi lăm triệu hai trăm lẻ năm nghìn không trăm bốn mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện DMC
- Chi cục THADS huyện DMC
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Song Tố Như